

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 25-8-2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền

Ông Nguyễn Ngọc Lâm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tham gia phiên toà: Không.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2026/TLST- HNGĐ ngày 01-6-2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31-7-2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trương Văn K, sinh năm 1987.

Số căn cước: 015087001946;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, tỉnh Lào Cai.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1987.

Số Căn cước: 015187012656;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trương Văn K trình bày:* Anh và chị Hoàng Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04-4-2007 tại UBND xã Vĩnh Lạc, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (nay là UBND xã M, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hoà giải nhưng không có kết quả, vợ chồng hiện đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Anh

xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị Hoàng Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Trương Anh K, sinh ngày 03-3-2007 hiện đã trưởng thành và Trương Hoàng Minh T, sinh ngày 17-7-2015 hiện đang được anh nuôi dưỡng. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn là chị Hoàng Thị H trình bày:* Chị và anh Trương Văn K tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã Vĩnh Lạc, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (nay là UBND xã M, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng hiện đã ly thân. Chị muốn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng nếu anh K kiên quyết ly hôn thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh K có 02 con chung là Trương Anh K, sinh năm 2007 hiện đã trưởng thành và Trương Hoàng Minh T, sinh năm 2015. Ly hôn chị đồng ý để anh K nuôi dưỡng cháu T và chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn chị Hoàng Thị H có nơi cư trú tại xã M, tỉnh Lào Cai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Trương Văn K và chị Hoàng Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Lạc, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (nay là UBND xã M, tỉnh Lào Cai) ngày 04-4-2007 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh K và chị H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng hiện đã ly thân. Anh K xác định tình cảm vợ chồng đã hết và yêu cầu được ly hôn, chị H có muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn

gắn mâu thuẫn của vợ chồng. Từ thực tế cuộc sống hôn nhân cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K, cho anh K được ly hôn chị H.

[3] Về con chung: Anh K và chị H có 02 con chung là Trương Anh K, sinh ngày 03-3-2007 hiện đã trưởng thành và Trương Hoàng Minh T, sinh ngày 17-7-2015. Xét thấy, anh K và chị H đã ly thân, cháu T đang được anh K nuôi dưỡng và có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích, nguyện vọng và sự ổn định cuộc sống của con nên giao cháu T cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp.

Con chung là Trương Anh K hiện đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trương Văn K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Anh Trương Văn K được ly hôn chị Hoàng Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Hoàng Minh T, sinh ngày 17-7-2015 cho anh Trương Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị Hoàng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trương Văn K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp theo biên lai số: 0002098

ngày 01-6-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Anh K đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,36 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND KV2 – Lào Cai;
- THADS KV2 – Lào Cai;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thao

